

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**  
**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**  
**thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị**  
**về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển**  
**bền vững đất nước trong tình hình mới**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (Nghị quyết số 36-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững quê hương, đất nước trong tình hình mới; tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

2. Vận dụng sáng tạo và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 36-NQ/TW phù hợp với đặc điểm tình hình của tỉnh, của từng địa phương, đơn vị. Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với các quan điểm chỉ đạo của Trung ương; bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

3. Việc quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải được tiến hành đồng bộ, nghiêm túc, thiết thực và hiệu quả.

**II. MỤC TIÊU**

1. Đến năm 2030: Phân đầu xây dựng ngành công nghệ sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội; có nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất, tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; đóng góp tích cực vào GRDP của tỉnh.

2. Tầm nhìn đến năm 2045: Quảng Bình trở thành tỉnh có đủ năng lực làm chủ và áp dụng rộng rãi công nghệ sinh học trên nhiều lĩnh vực.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

#### 1. Thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền về sự cấp thiết phải phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, ngành, lĩnh vực. Phát triển mạnh ngành công nghệ sinh học, đáp ứng năng lực sản xuất phục vụ nền kinh tế địa phương. Triển khai ứng dụng rộng khắp và có hiệu quả việc áp dụng công nghệ sinh học vào các lĩnh vực: Nông, lâm, ngư nghiệp, y dược, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng chú trọng giới thiệu thành tựu công nghệ sinh học, tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

#### 2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; bảo đảm an toàn sinh học.

- Nghiên cứu ban hành cơ chế ưu tiên, khuyến khích, phù hợp để phát triển và sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông nghiệp, y dược. Khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học đối với vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo. Khuyến khích xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học. Chú trọng công tác đào tạo, phát hiện, sử dụng nguồn nhân lực công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm mối liên kết, gắn bó giữa các tổ chức, cá

nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ. Chú trọng xây dựng, triển khai các chương trình khoa học và công nghệ về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

### **3. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống, đảm bảo quốc phòng - an ninh; phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng**

- Tập trung nguồn lực, tranh thủ hỗ trợ từ Trung ương, hợp tác và hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống; tăng cường hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư sản xuất, ứng dụng các sản phẩm từ công nghệ sinh học.

- Ưu tiên đầu tư, hỗ trợ kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học phục vụ yêu cầu phát triển của các ngành; đầu tư nghiên cứu có trọng tâm, trọng điểm, gắn kết với nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội; hỗ trợ phát triển các trung tâm sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản ứng dụng tiến bộ công nghệ sinh học.

- Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; chế phẩm sinh học phòng bệnh cho vật nuôi, cây trồng, góp phần xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý, hiếm.

- Tăng cường triển khai các đề tài, dự án, ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, như: Bảo quản, chế biến nông, thủy, hải sản; xử lý ô nhiễm, khắc phục xử lý suy thoái và sự cố môi trường; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường, phát huy tiềm năng kinh tế biển.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế. Tập trung nghiên cứu, sản xuất thuốc phục vụ khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh; nghiên cứu sản xuất nguyên liệu và các loại thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược đặc trưng của địa phương.

- Tập trung xây dựng ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của tỉnh. Sớm quy hoạch phát triển công nghiệp sinh học; nghiên cứu lợi thế, tiềm năng nhằm sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học chủ lực của tỉnh với quy mô công nghiệp. Hỗ trợ liên kết doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, năng lực tiếp cận công nghệ mới,



sở hữu trí tuệ công nghệ sinh học; xây dựng thương hiệu, thương mại hoá sản phẩm. Khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học.

- Nghiên cứu, xây dựng và huấn luyện các phương án để sẵn sàng, chủ động ứng phó với các tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, vũ khí sinh học; xử lý chất động hóa học. Bảo đảm an ninh trong công tác nghiên cứu, ứng dụng, sử dụng công nghệ sinh học đặc thù phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

#### **4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học**

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, có khả năng nghiên cứu, nắm bắt và làm chủ công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường sự phối hợp, hợp tác trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, thông tin khoa học để phát triển công nghệ sinh học.

- Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ sinh học. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu.

- Tập trung đầu tư nguồn lực nhằm nâng cao năng lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, trong đó ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ, phát triển sản phẩm công nghệ sinh học mà tỉnh có lợi thế.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và hiện đại hoá các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học, các trung tâm đánh giá, kiểm định; xây dựng một số trung tâm kiểm soát dịch bệnh theo tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu giám sát và phòng, chống dịch bệnh.

- Hỗ trợ, phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học. Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ đạt trình độ khu vực và quốc tế.

#### **5. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết về công nghệ sinh học**

- Tăng cường hợp tác, liên kết trong lĩnh vực công nghệ sinh học, tuân thủ các quy định pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học mà Việt Nam tham gia.

- Nghiên cứu, xây dựng các mô hình liên kết giữa nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà sản xuất và Nhà nước trong việc hợp tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Nâng cao hiệu quả hợp tác trong lĩnh vực công nghệ sinh học với các tổ chức, cá nhân, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện khả thi, sát thực tiễn.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kết quả thực hiện; chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng cường tuyên truyền nội dung, kết quả thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Các đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách và hoàn thiện pháp luật về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

4. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kịp thời phát hiện và khen thưởng, tôn vinh các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo, các ban Tỉnh ủy hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
  - Các ban và VP Trung ương Đảng,
  - Ban Tuyên giáo Trung ương,
  - Các vụ địa phương theo dõi địa bàn tỉnh Quảng Bình,
  - Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
  - Các ban, UBKT và VPTU,
  - Các sở, ban, ngành, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh,
  - Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
  - Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
  - Lưu VPTU.
- } (để b/c)



**Trần Hải Châu**